

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **101/2019/DS-ST**  
Ngày 18 - 6 – 2019  
Về việc: “**Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản**”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Văn Sáu.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2019 về “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 219/2019/TB-TA ngày 06 tháng 5 năm 2019; Thông báo mở lại phiên tòa số 740/2019/TB-TA ngày 11 tháng 06 năm 2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng V; địa chỉ: Số 89, đường L, phường H, quận Đ, Thành phố H.

***Người đại diện theo pháp luật:*** Ông Ngô Chí D – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

***Người đại diện theo ủy quyền:***

Ông Hà Xuân D1 – chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Lầu 2, số 96, đường C, phường X, Quận Y, Thành phố M. Số điện thoại: 0936xxxxxx.

(Theo Văn bản ủy quyền số 1683/2019/UQ-VPB ngày 25/02/2019).

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 1322/A, ấp P, xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông Hà Xuân D1 có mặt, ông Nguyễn Văn N vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bằng hình thức đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử, ngày 12/10/2016 ông Nguyễn Thanh N đã ký hợp đồng với Ngân hàng V – Chi nhánh Sài Gòn vay số tiền 170.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay sửa chữa nhà, lãi suất trôi nổi được công bố trên hệ thống thông tin của Ngân hàng V. Ngày 20/10/2016 ông N nhận tiền vay.

Theo Ngân hàng V, từ ngày nhận tiền vay ông N có thanh toán vốn gốc 54.725.794 đồng, tiền lãi 32.484.642 đồng, tổng cộng gốc lãi là 87.210.436. Số còn nợ tính đến ngày khởi kiện (25/02/2019) vốn gốc 115.274.206 đồng, lãi 71.084.589 đồng, tổng cộng 186.358.795 đồng. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vốn gốc và lãi phát sinh (ngưng thanh toán từ tháng 12 năm 2018), nên Ngân hàng V kiện yêu cầu ông N thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh đến ngày 25/02/2019 là 186.358.795 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/03/2019, ông Nguyễn Văn N xác nhận ngày 12/10/2016 ông N có mở thẻ và yêu cầu nhận vay của Ngân hàng V - Chi nhánh Sài Gòn 170.000.000 đồng. Ngày 20/10/2016 ông nhận tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng ông N đã hoàn trả cho Ngân hàng đầy đủ từ tháng 11/2016 đến tháng 06/2017 với tổng số tiền là 87.206.666 đồng. Sau đó, ông N ngưng hoàn trả tiền vốn gốc và lãi cho Ngân hàng từ tháng 07/2017 cho đến tháng 07/2018. Do trong khoảng thời gian này vợ ông N sinh con, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đến tháng 08/2018 thì ông N bắt đầu hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền gốc và lãi cho đến tháng 03/2019 (trong đó tháng 01/2019 ông N đóng 02 lần vào ngày 10/01/2019 và ngày 31/01/2019 để trừ lại cho tháng 02/2019 vì ngày trả tiền trùng vào dịp nghỉ Tết) với tổng số tiền là 53.600.000 đồng. Ông N xác định, tính đến ngày 28/03/2019 ông đã hoàn trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn gốc và lãi là 140.806.666 đồng.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng V thì ông N đồng ý sẽ hoàn trả. Tuy nhiên, ông N có yêu cầu Ngân hàng V không tính lãi quá hạn và tạo điều kiện cho ông N được hoàn trả dần tiền nợ gốc, lãi trong hạn mỗi tháng cho đến khi dứt nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V và ông N để ghi nhận ý kiến cũng như tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Tòa án không tiến hành hòa giải do các đương sự cùng có yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Về tài liệu, chứng cứ:

Các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng V giao nộp:

- Bản chính Văn bản ủy quyền số 1683/2019/UQ-VPB ngày 25/02/2019;
- Bản chính các bảng sao kê;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn N;
- Bản sao Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 12/10/2016;
- Các thủ tục vay vốn của ông Nguyễn Văn N;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, bản chính các Văn bản ủy quyền, bản photo Điều lệ Ngân hàng V.

- Bản tự khai ngày 16/04/2019;

- Bảng kê chi tiết tính lãi vay quá hạn đến ngày 16/4/2019;

- Bản tự khai ngày 08/05/2019;

- Bảng kê chi tiết tính lãi vay quá hạn đến ngày 08/05/2019.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Nguyễn Văn N giao nộp:

- Bản photo chứng nhận nộp tiền ngày 10/01/2019, ngày 31/01/2019 và ngày 08/3/2019.

Tại phiên tòa ngày 16/04/2019, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V là ông Hà Xuân D1 trình bày và kèm theo Bản tự khai xác định: tính đến ngày 16/04/2019, ông Nguyễn Văn N có trả được vốn gốc 81.525.794 đồng, lãi 32.484.642 đồng, tổng cộng là 114.010.436 đồng; số còn nợ tổng gốc và lãi là 169.078.270 đồng. Do có mâu thuẫn về số tiền đã trả, số tiền còn nợ và không làm rõ được tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa.

Tòa án tiến hành triệu tập cho các đương sự đối chất làm rõ số tiền đã trả, số nợ còn lại nhưng các đương sự không tham gia đối chất; Tòa án đã ra thông báo yêu cầu ông Nguyễn Văn N cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền đã trả cho Ngân hàng V nhưng hết thời gian theo án định ông N vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Tại phiên tòa,

Ông Hà Xuân Dũng cung cấp Bản tự khai ngày 18/06/2019 kèm theo các bảng kê chi tiết. Theo đó, đại diện Ngân hàng V xác nhận trong thời gian Tòa án giải quyết, ông Nguyễn Văn N có trả nợ cho Ngân hàng. Xác định tổng số tiền ông N đã trả là 127.410.436 đồng (gốc 94.925.794, lãi 32.484.642 đồng); số nợ còn lại cả vốn gốc và lãi tính đến ngày 18/06/2019 là 160.863.449 đồng. Trong phần tranh tụng, đại diện Ngân hàng V thừa nhận việc tính lãi quá hạn từ ngày 21/05/2017 là không đúng, nên điều chỉnh lãi suất, thay đổi yêu cầu, yêu cầu ông N thanh toán số tiền 157.903.186 đồng (gốc 75.074.206 đồng, lãi 82.828.980 đồng).

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Việc tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Xác định Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 20/10/2016 giữa Ngân hàng V với ông Nguyễn Văn N là tự nguyện; nội dung, hình thức hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi suất phát sinh, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V. Tuy nhiên, đối chiếu các bảng kê, điều khoản thỏa thuận hợp đồng, trình bày của đại diện Ngân hàng V tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều chỉnh phần lãi suất quá hạn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

Về quyền khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng: Hợp đồng tín dụng với tên gọi "Giấy Đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng Điện tử và Vay vốn" được ký kết ngày 12/10/2016 giữa Ngân hàng V Chi nhánh/Phòng giao dịch Sài Gòn với ông Nguyễn Văn N. Do Ngân hàng V Chi nhánh Sài Gòn trực thuộc Ngân hàng V, nên Ngân hàng V mới có đầy đủ tư cách pháp nhân và có quyền khởi kiện. Căn cứ Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định Ngân hàng V là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn N là bị đơn.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo mở lại phiên tòa nhưng ông N vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Như vậy, ông N tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng V kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N thanh toán hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 20/10/2016. Xét ông N là cá nhân, vay mục đích sử dụng (sửa chữa nhà), xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản", là tranh chấp dân sự; bị đơn cư trú ấp P, xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An Giang, căn các điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[3] Về phạm vi khởi kiện: Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2019, Ngân hàng V kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi suất với tổng số tiền 186.358.795 đồng. Trong quá trình giải quyết, ông N có trả nợ cho Ngân hàng khoản nợ gốc được 40.200.000 đồng, chưa trả lãi phát sinh. Tại phiên tòa, Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Văn N Thanh toán tổng nợ gốc và lãi suất còn lại tính đến ngày 18/06/2019 là 157.903.186 đồng. Yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và có lợi cho bị đơn, phù hợp quy định tại Điều 5; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận. Như vậy, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp hướng dẫn tại Mục IV, Điều 7 Công văn 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/04/2017 của Tòa án nhân dân tối cao. Phạm vi giải quyết còn lại là việc Ngân hàng V yêu cầu ông N thanh toán khoản nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 18/06/2019 là 157.903.186 đồng.

### [4] Về nội dung tranh chấp:

Theo trình bày của các đương sự; tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định được, Hợp đồng tín dụng ngày 12/10/2016 giữa Ngân hàng V - Chi nhánh Sài Gòn với ông Nguyễn Văn N là hợp đồng vay tài sản thể hiện bằng văn bản với tên gọi "Giấy Đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng Điện tử và Vay vốn", hình thức vay tín chấp. Nội dung Hợp đồng ghi nhận số tiền vay là 170.000.000 đồng, mục đích vay sửa chữa nhà, thời hạn vay 36 tháng, kỳ trả nợ gốc + lãi tối thiểu mỗi tháng 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, thời hạn kết thúc hợp đồng là ngày 20/10/2019. Ngoài ra, các bên còn có thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, cơ chế điều chỉnh lãi suất, thông tin cá nhân khách hàng và cam kết của các bên. Hợp

đồng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ.

Về số tiền nhận vay 170.000.000 đồng, ngày nhận tiền vay là ngày 20/10/2016, thời gian thanh toán là 36 tháng, thời hạn kết thúc hợp đồng là ngày 20/10/2019, mức lãi suất theo cơ chế điều chỉnh được đăng trên hệ thống thông tin của Ngân hàng V, kỳ trả nợ gốc và lãi hàng tháng đã được các bên xác nhận, nên các tình tiết này không cần phải chứng minh.

Như vậy, các đương sự không tranh chấp nhau về số tiền và thời gian nhận tiền vay, không tranh chấp về mức lãi suất trong hạn, không tranh nhau về thời gian thanh toán và thời gian kết thúc hợp đồng. Các bên chỉ tranh chấp nhau về số tiền đã trả, theo ông N thì tổng số tiền ông đã trả cho Ngân hàng V là 140.806.666 đồng và xin phần lãi suất quá hạn; theo Ngân hàng V thì tổng số tiền ông N đã trả là 127.410.436 đồng (chênh lệch 13.396.230 đồng) và yêu cầu tính toàn bộ lãi suất trong hạn và quá hạn. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xem xét phần lãi suất quá hạn.

*[5] Xét nội dung tranh chấp:*

Về số tiền đã trả: Theo Ngân hàng V thì từ ngày nhận vay đến ngày xét xử (18/06/2019) ông N có trả được vốn gốc 94.925.794 đồng, lãi suất 32.484.642 đồng, tổng cộng là 127.410.436 đồng. Theo ông N ông đã trả vốn gốc và lãi suất là 140.806.666 đồng. Mâu thuẫn này Tòa án đã triệu tập các đương sự đối chất để làm rõ nhưng các đương sự đều không tham gia. Tòa án cũng đã ra thông báo yêu cầu ông N cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho trình bày của mình nhưng ông N cũng không cung cấp. Do đó căn cứ vào tài liệu, chứng cứ là các bảng kê do Ngân hàng V cung cấp xác định: Từ ngày nhận tiền vay đến ngày xét xử, ông Nguyễn Văn N có trả được 19 lần với tổng số tiền 127.410.436 đồng đồng, trong đó vốn gốc 94.925.794 đồng, lãi suất 32.484.642 đồng. Như vậy vốn gốc mà ông N còn nợ là 75.074.206 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/05/2017.

Về tiền lãi suất: Theo Bảng Chi tiết tính lãi tiền vay quá hạn đến ngày 18/06/2019 do phía Ngân hàng V cung cấp xét có những khoản hợp lý và những khoản chưa hợp lý. Cụ thể như sau:

Về thời gian bắt đầu tính lãi quá hạn: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và Bản tự khai ngày 18/06/2019 thì phần nợ ông N vay quá hạn từ ngày 21/07/2017 nhưng bảng lãi suất quá hạn lại tính từ ngày 21/05/2017, số tiền chênh lệch 2.960.263 đồng. Việc này đã được đại diện Ngân hàng nhận thấy và tự nguyện điều chỉnh từ 85.789.243 đồng xuống còn 82.828.980 đồng, nên công nhận sự tự nguyện này của Ngân hàng V.

Về khoản tiền không phải chịu lãi quá hạn: Ngân hàng V tính lãi trong hạn trên tổng số tiền còn dư nợ là đúng theo hợp đồng đã giao kết. Tuy nhiên, tính lãi quá hạn trên tổng số tiền dư nợ là chưa đúng theo hợp đồng và trái quy định của pháp luật dân sự. Bởi tại Điều 7 Bản Điều khoản và điều kiện về sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và vay tiêu dùng cá nhân của Ngân hàng V có ghi: “Trong trường hợp khách hàng chậm thanh toán nợ gốc và/hoặc lãi theo các phân kỳ trả nợ đã thỏa thuận giữa các bên và Ngân hàng V không quyết định thu hồi toàn bộ dư nợ còn lại của khách hàng trước thời hạn, thì phần dư nợ gốc thực tế bị quá hạn phải chịu lãi suất quá hạn;

phần dư nợ gốc chưa đến kỳ trả nợ vẫn chịu mức lãi suất cho vay trong kỳ hạn”. Theo hợp đồng thì số tiền vay 170.000.000 đồng được chia 36 lần trả. Do hợp đồng không ghi nhận mỗi kỳ trả vốn gốc bao nhiêu nhưng tính bình quân thì mỗi kỳ phải trả vốn gốc là 4.722.222 đồng; hợp đồng đến ngày 20/10/2019 mới hết hạn, nên việc tính dồn lãi quá hạn trên toàn bộ vốn gốc còn lại là bất lợi cho bị đơn. Tính đến ngày xét xử, số tiền chưa quá hạn là 4.722.222 đồng x 04 tháng = 18.888.888 đồng, phần lãi suất đã tính quá hạn khấu trừ lại là  $(18.888.888 \text{ đồng} \times 2,01\%) : 2 = 1.898.888 \text{ đồng}$ . Như vậy, phần yêu cầu của Ngân hàng V được chấp nhận là 157.903.186 đồng - 1.898.888 đồng = 156.004.298 đồng.

Từ các căn cứ nêu trên, xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V; buộc ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm hoàn trả vốn gốc và tiền lãi cho Ngân hàng V tính đến hết ngày 18/06/2019 là 156.004.298 đồng.

Đồng thời, ông Nguyễn Văn N còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên vốn gốc còn lại theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kể từ ngày 19/06/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

*[6] Về Chi phí tố tụng:*

Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng V được chấp nhận một phần, nên ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch trên phần được chấp nhận (phần được chấp nhận 156.004.298 đồng).

Ngân hàng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu không được chấp nhận theo mức án phí không có giá ngạch (phần không được chấp nhận 1.898.888 đồng).

Chi phí tố tụng khác: Quá trình giải quyết vụ án không phát sinh chi phí khác.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;*

*Căn cứ các điều 292, 299, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

*Căn cứ các điều 217, 218 và các điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 26 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;*

**Xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V;

Buộc ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V tổng số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 18/06/2019 là 156.004.298 (*Một trăm năm mươi sáu triệu không trăm không chục bốn nghìn hai trăm chín mươi tám*) đồng. Trong đó:

Phần nợ vốn gốc: 75.074.206 (*Bảy mươi lăm triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm lẻ sáu*) đồng;

Phần nợ lãi suất: 80.930.092 (*Tám mươi triệu chín trăm ba mươi nghìn không trăm chín mươi hai*) đồng.

Đồng thời, ông Nguyễn Văn N còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên vốn gốc còn lại theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kể từ ngày 19/06/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đình chỉ một phần yêu cầu của Ngân hàng V (phần 2.960.263 đồng).

**Về chi phí tố tụng:**

*Về án phí:* Ông Nguyễn Văn N phải chịu 7.800.214 (Bảy triệu tám trăm nghìn hai trăm mười bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 4.659.000 (bốn triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn) đồng mà Ngân hàng V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0011136 ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện An Phú. Hoàn lại cho Ngân hàng V 4.359.000 (bốn triệu ba trăm năm mươi chín nghìn) đồng.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Ngân hàng V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/06/2019);

Ông Nguyễn Văn N được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (2);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Văn Sáu**